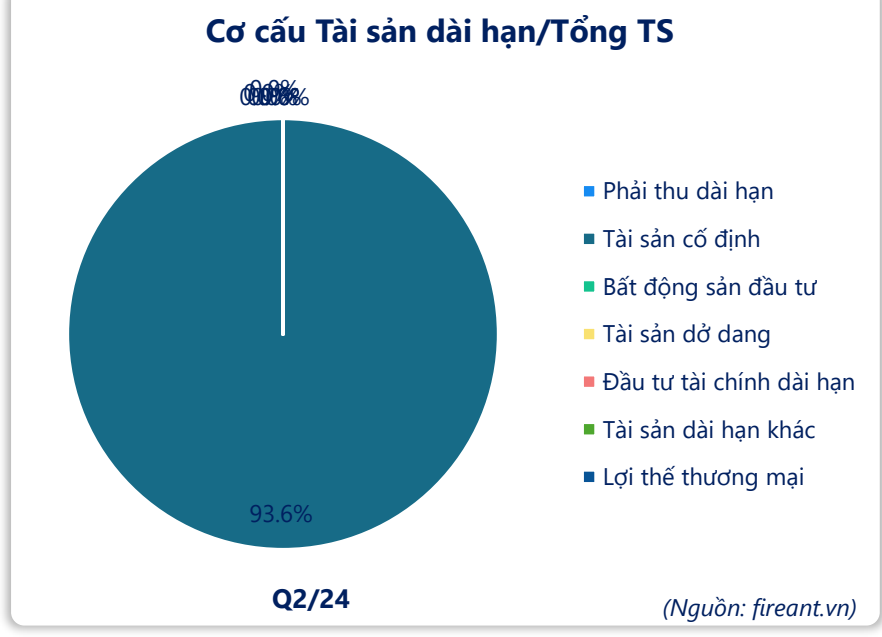
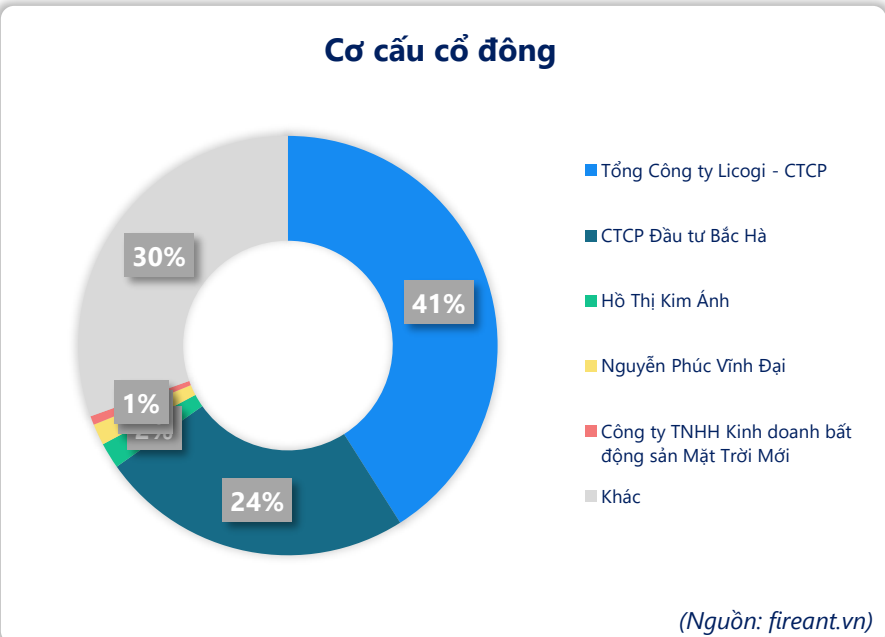
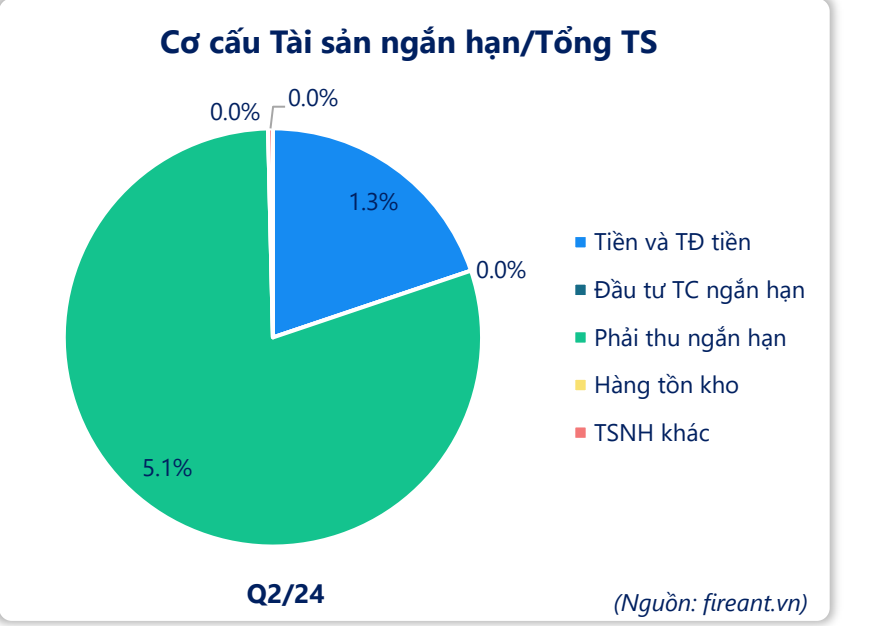
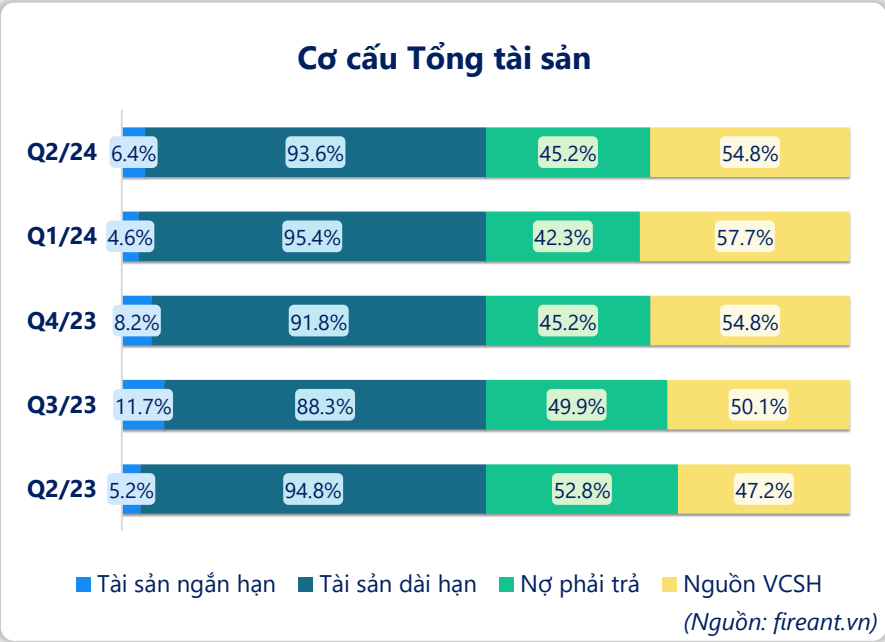
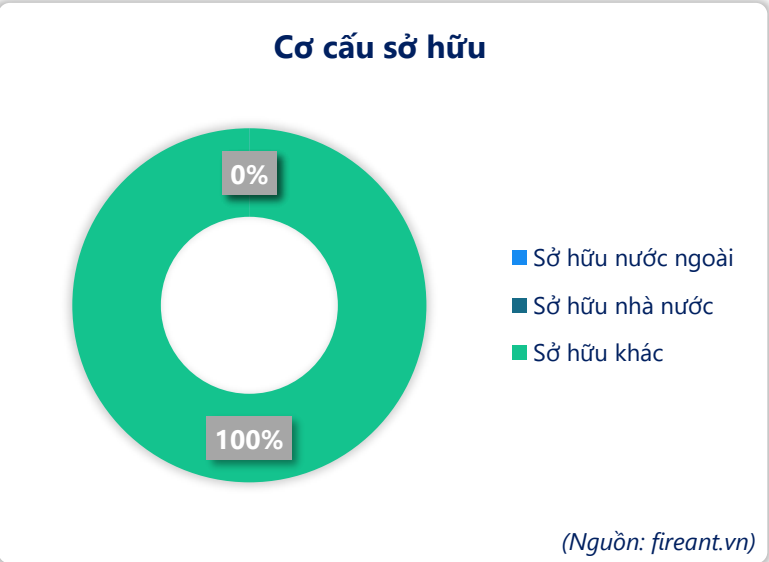
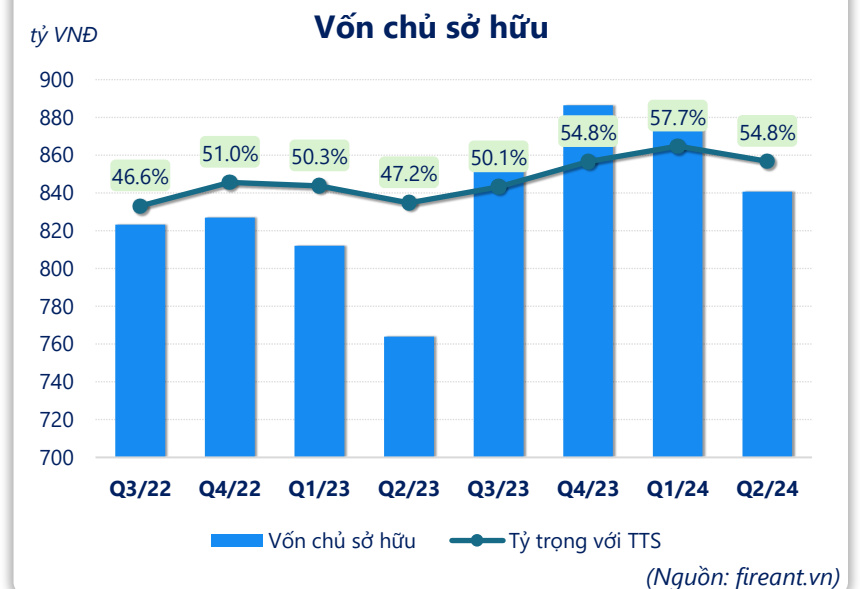
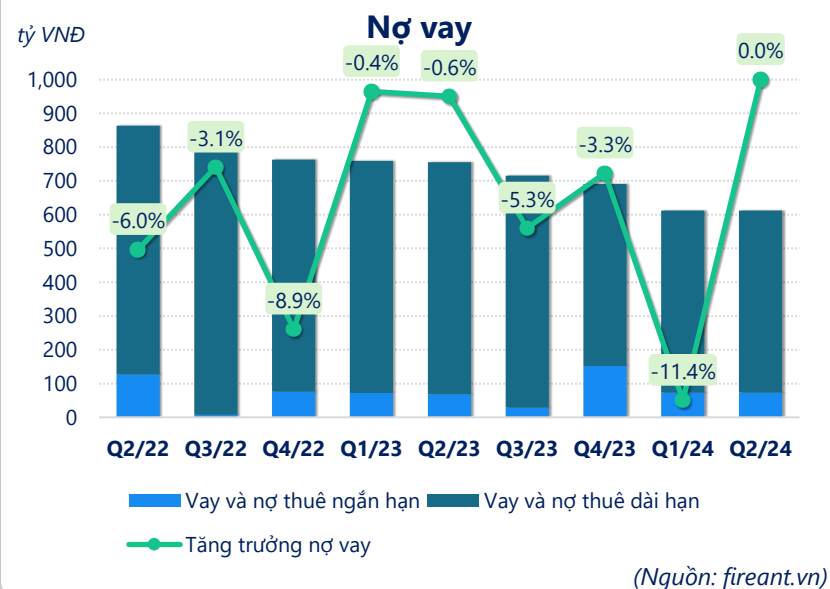
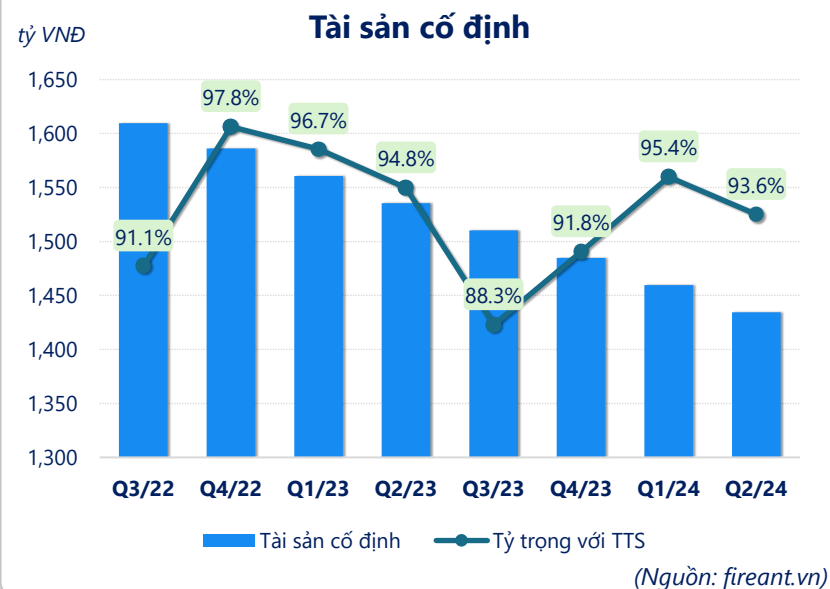
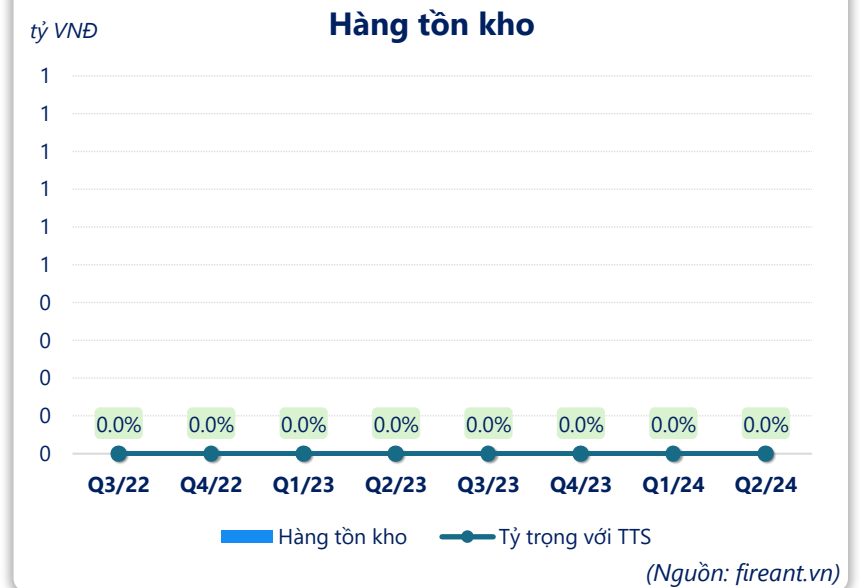
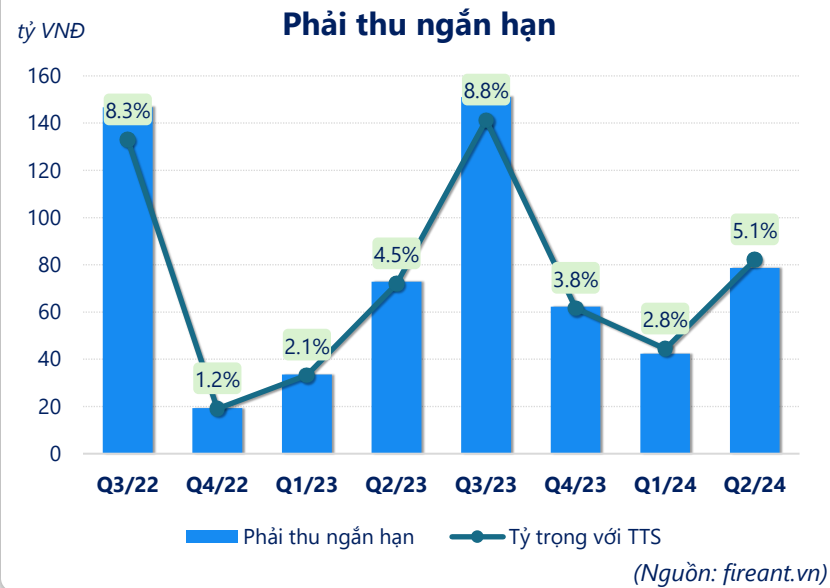
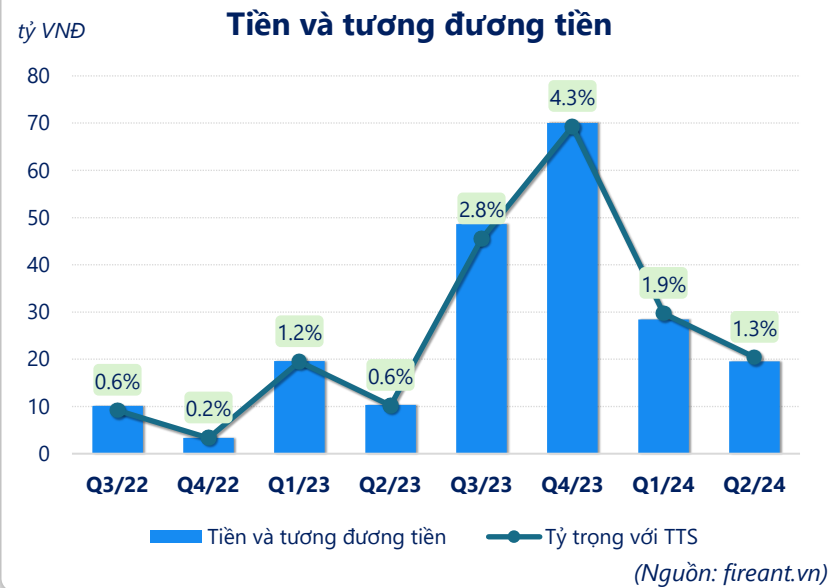
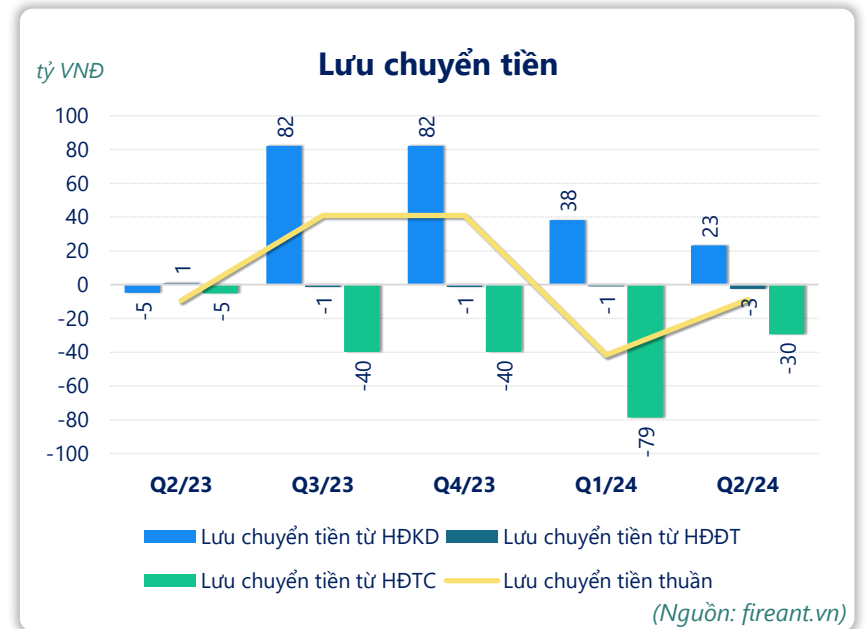
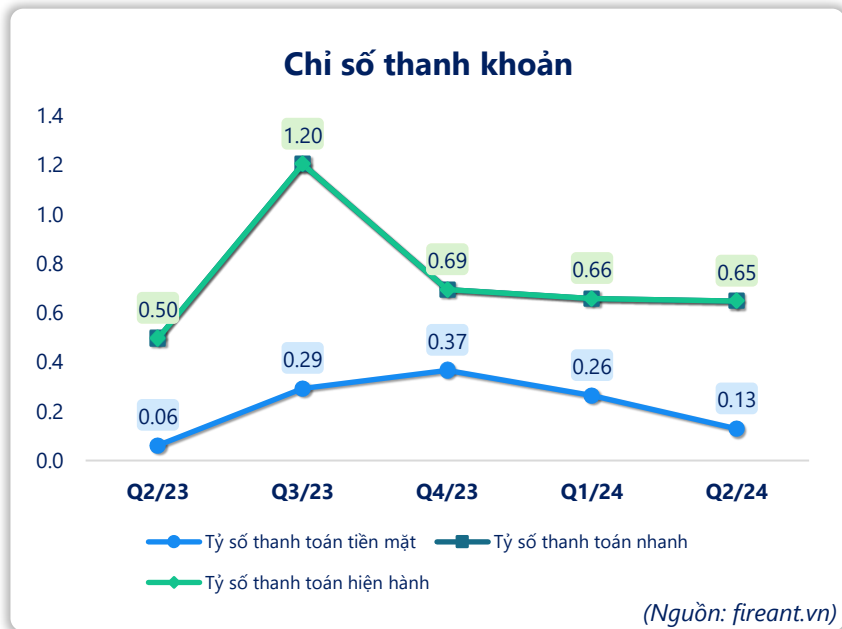
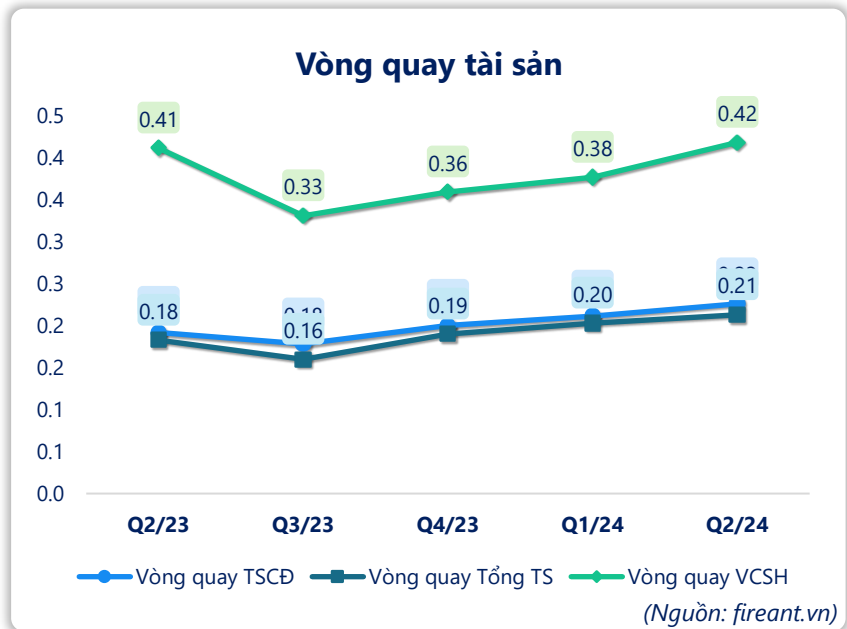
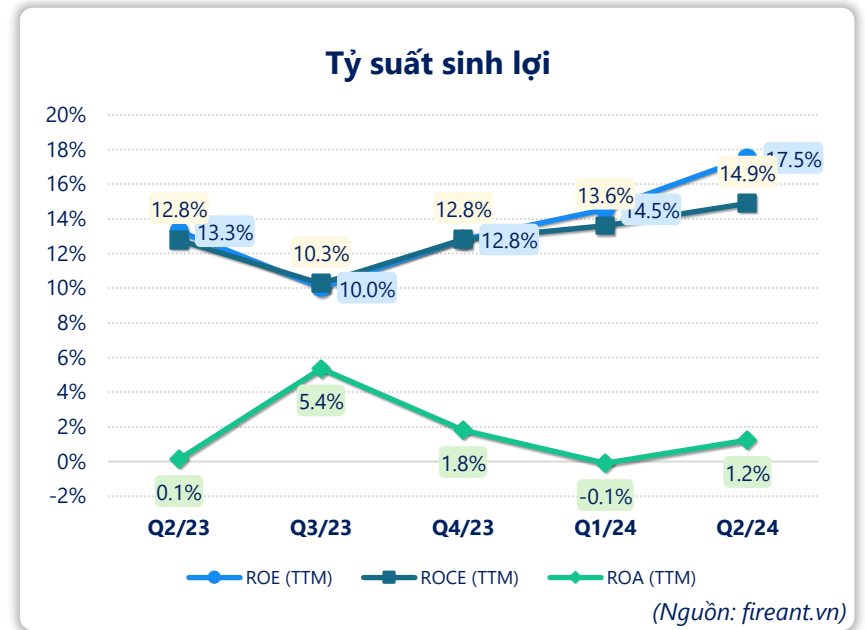
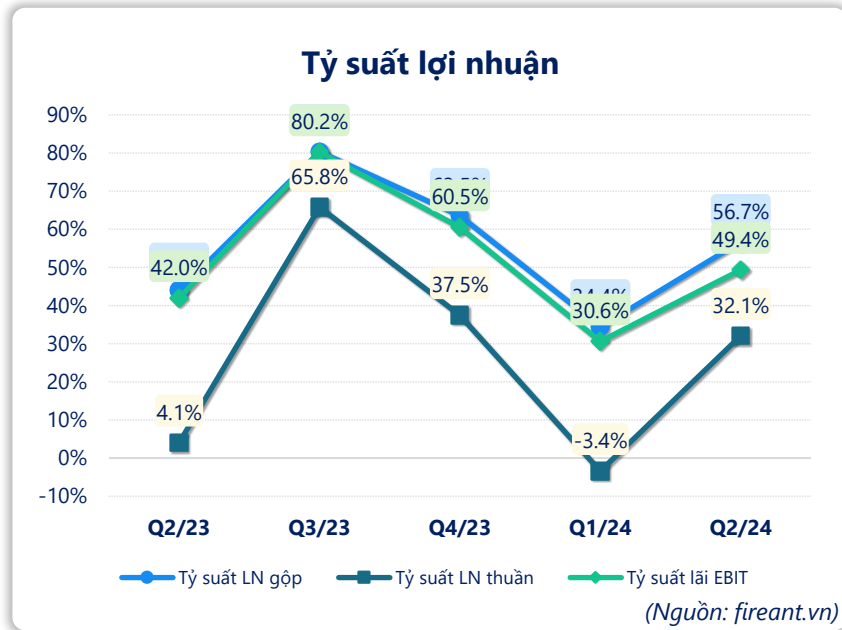
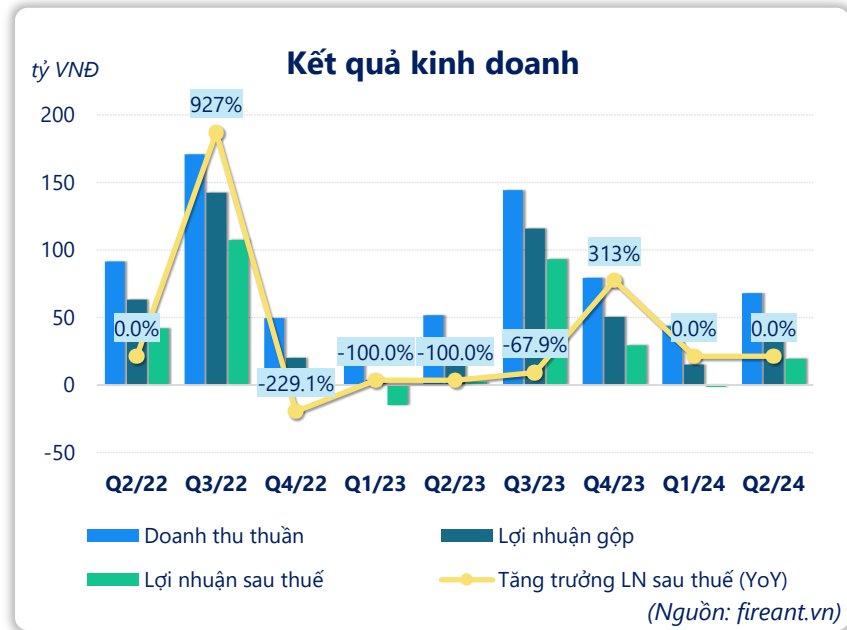


Thông tin giao dịch28/06/2024	
Giá hiện tại (VNĐ)	21,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,052
SL cổ phiếu LH	66,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	690
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,419
P/E	10.1
EPS	2,130

	YTD	1T	3T	6T
BHA	48.8%	2.9%	27.2%	48.8%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,533	1,618	-5.2%
Tài sản ngắn hạn	98.5	133	-25.7%
Tiền và tương đương tiền	19.5	70.0	-72.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	78.6	62.2	26.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	0.39	-7.3%
Tài sản dài hạn	1,434	1,485	-3.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,434	1,485	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	692	733	-5.6%
Nợ ngắn hạn	152	193	-21.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	72.6	151	-52.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.42	2.89	-16.2%
Nợ dài hạn	540	540	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	540	536	0.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	841	884	-4.9%
Vốn chủ sở hữu	841	884	-4.9%
Vốn điều lệ	660	660	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	51.6	144	79.3	43.9	68.1
Giá vốn hàng bán	28.9	28.4	28.9	28.8	29.4
Lợi nhuận gộp	22.7	116	50.4	15.1	38.6
Doanh thu HĐTC	0.11	0.16	0.30	0.47	0.05
Chi phí TC	19.4	18.7	17.4	14.9	13.1
Chi phí lãi vay	19.4	18.7	17.4	14.9	13.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.28	2.43	3.57	2.15	3.76
LN thuần từ HĐKD	2.11	94.9	29.7	-1.49	21.8
Lợi nhuận khác	0.12	2.11	0.90	0	-1.31
LN trước thuế	2.23	97.0	30.6	-1.49	20.5
Lợi nhuận sau thuế	2.23	93.2	29.3	-1.49	19.5
LNST của CĐ cty mẹ	2.23	93.2	29.3	-1.49	19.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.89	82.2	82.2	38.2	23.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.85	-1.40	-1.40	-1.00	-2.61
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.27	-39.8	-39.8	-78.8	-29.5
Tiền đầu kỳ	19.6	7.67	7.67	70.0	28.4
Lưu chuyển tiền thuần	-9.31	40.9	40.9	-41.6	-8.88
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.3	48.6	48.6	28.4	19.5

(Nguồn: fireant.vn)